

Số: 12/2021/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 13 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức tiền công thực hiện các nhiệm vụ thi
ở địa phương; nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi,
hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 215/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức tiền công thực hiện các nhiệm vụ thi ở địa phương; nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 29/BC-BKTNS ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định mức tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi do địa phương chủ trì thực hiện (gọi tắt là các nhiệm vụ thi ở địa phương) gồm: kỳ thi tuyển sinh

đầu cấp; kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh các môn văn hóa, chọn học sinh giỏi quốc gia.

b) Quy định mức tiền công tập huấn các đội tuyển quốc gia; dự thi Olympic quốc tế và khu vực.

c) Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, gồm:

- Thi chọn giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi, thi văn hay chữ tốt, thi vở sạch chữ đẹp, thi thiết kế đồ dùng dạy học, thi khoa học kỹ thuật, thi vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các vấn đề thực tiễn và dạy học theo chủ đề tích hợp, thi Olympic, thi trên mạng Internet cấp tỉnh, cấp huyện, cấp trường.

- Thi chọn học sinh giỏi cấp trường.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo cấp tỉnh và huyện, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Kiên Giang được cơ quan có thẩm quyền giao tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Mức tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi ở địa phương

1. Đối với kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, kỳ thi chọn đội tuyển Olympic khu vực và quốc tế: áp dụng theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Đối với kỳ thi tuyển sinh đầu vào lớp 10, kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa: áp dụng bằng 80% mức tiền công quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với kỳ thi tuyển sinh đầu vào lớp 6, kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện các môn văn hóa: áp dụng bằng 60% mức tiền công quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Mức tiền công tập huấn các đội tuyển quốc gia; dự thi Olympic quốc tế và khu vực

1. Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn: 200.000 đồng/người/ngày.

2. Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết, biên soạn và giảng dạy thực hành: 240.000 đồng/người/tiết.

3. Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành: 150.000 đồng/người/tiết.

Điều 4. Nội dung chi, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

1. Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị; chi đi công tác để thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi: mức chi theo quy định tại Nghị quyết số

90/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Hội đồng/Ban; tiền công ra đề thi, xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, chấm thi:

a) Đối với kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh: áp dụng bằng 80% mức tiền công quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

b) Đối với kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp huyện: áp dụng bằng 60% mức tiền công quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

c) Đối với kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp trường (bao gồm cuộc thi học sinh giỏi cấp trường): áp dụng bằng 50% mức tiền công quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

3. Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi, Hội đồng/Ban in sao đề thi, những người làm phách tập trung trong những ngày làm việc tập trung cách ly.

a) Tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ trong thời gian thực tế ra đề thi, in sao đề thi, làm phách.

b) Tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ ra đề thi, in sao đề thi, làm phách).

c) Chi tiền ăn, ở, đi lại, tiền giải khát giữa giờ cho các thành viên tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi (nếu có), giáo viên (nếu có) và học sinh các đội dự tuyển quốc gia trong quá trình tập huấn để tham dự các kỳ thi Olympic khu vực và quốc tế.

Mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

4. Chi tiền công tập huấn

a) Các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh: bằng 80% mức tiền công quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

b) Các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp huyện: bằng 60% mức tiền công quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

5. Mức chi quy định tại Điều 2, Điều 3, khoản 1, 2, 3, 4 Điều này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các nhiệm vụ. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

6. Các nội dung thuộc phạm vi áp dụng tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 1 không được quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản

lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông và các quy định hướng dẫn hiện hành.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 12 năm 2021. *Kiểm*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng Công tác HĐND;
- Hồ sơ công việc
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Mai Văn Huỳnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

MỨC TIỀN CÔNG THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ THI Ở ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang)

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi đề xuất	Ghi chú
I	Công tác ra đề thi			
1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
a	Chủ trì	Người/ngày	530	
b	Các thành viên	Người/ngày	450	
2	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận (chỉ áp dụng cho các môn thi không có ngân hàng câu hỏi thi)	đồng/đề	700	
3	Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị (soạn thảo, thẩm định, phản biện) kèm đáp án, biểu điểm	đồng/đề	530	
4	Tiền công ra đề thi thực hành	đồng/đề	450	
5	Tiền công cho thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi	Người/ngày		
a	Chủ tịch	Người/ngày	450	
b	Phó Chủ tịch	Người/ngày	380	
c	Ủy viên, Thư ký, bảo vệ vòng trong 24h/24h	Người/ngày	300	
d	Ủy viên, Thư ký, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	240	
II	Công tác xây dựng ngân hàng câu hỏi thi			
1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
a	Chủ trì	Người/ngày	530	
b	Các thành viên	Người/ngày	450	
2	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Đồng/câu	50	
3	Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Đồng/câu	45	
4	Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Đồng/câu	35	
5	Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Đồng/câu	25	
6	Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Đồng/câu	7	
7	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm			
a	Chủ trì	Người/ngày	530	



TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi đề xuất	Ghi chú
b	Thành viên	Người/ngày	450	
III	Công tác in, sao đề thi (Tiền công cho Hội đồng/Ban in sao đề thi)			
1	Trưởng ban	Người/ngày	450	
2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	380	
3	Ủy viên, thư ký, nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày	300	
4	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	220	
5	Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi	Người/ngày	250	
IV	Công tác tổ chức thi và chấm thi (làm phách, chấm thi, phúc khảo, chấm thẩm định)			
1	Tiền công cho các thành viên của Ban Chỉ đạo thi			
a	Trưởng ban	Người/ngày	450	
b	Phó Trưởng ban	Người/ngày	380	
c	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	300	
d	Nhân viên phục vụ	Người/ngày	220	
2	Tiền công cho các thành viên của Hội đồng thi			
a	Chủ tịch	Người/ngày	450	
b	Phó Chủ tịch	Người/ngày	380	
c	Ủy viên	Người/ngày	300	
3	Tiền công cho các thành viên của Ban thư ký Hội đồng thi			
a	Trưởng ban	Người/ngày	450	
b	Phó Trưởng ban	Người/ngày	380	
c	Ủy viên	Người/ngày	300	
4	Tiền công cho các thành viên của Hội đồng/Ban coi thi			
a	Trưởng ban	Người/ngày	450	
b	Phó Trưởng ban	Người/ngày	380	
c	Ủy viên, thư ký, giám thị	Người/ngày	300	
d	Công an, bảo vệ	Người/ngày	220	
5	Tiền công cho các thành viên của Ban/Tổ làm phách			
a	Trưởng ban	Người/ngày	450	
b	Phó Trưởng ban	Người/ngày	380	
c	Ủy viên, thư ký, nhân viên phục vụ, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày	300	
d	Nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	220	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi đề xuất	Ghi chú
6	Tiền công cho các thành viên của Hội đồng/Ban chấm thi tự luận, Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận, Hội đồng/Ban chấm thẩm định bài thi			
a	Trưởng ban	Người/ngày	450	
b	Phó Trưởng ban	Người/ngày	380	
c	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	300	
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	Người/ngày	220	
7	Tiền công cho các thành viên chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học	Người/ngày	450	
8	Tiền công chấm thi, chấm phúc khảo bài thi trắc nghiệm; chấm phúc khảo bài thi tự luận; chấm thẩm định bài thi tự luận	Người/ngày	450	

